**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần:** PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**Mã số: BAN331**

**Số tín chỉ: 03**

**Khoa : Quản trị kinh doanh**

**Bộ môn phụ trách : Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng**

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD  **KHOA**: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**  **Bộ môn phụ trách**:  **Logistics và QLCCU** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh**;  **Mã học phần**: **BAN331**

**2. Tên Tiếng Anh: Business analysis**;

**3. Số tín chỉ:** 03 **tín chỉ (36/18/108)** (a: GTC lý thuyết, b: GTC thực hành/thảo luận, c: GTC tự học).

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước : Marketing căn bản, Kế toán tài chính

Khác: ……………………………………………………………………..

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS Phạm Thị Thanh Mai | 0912804979 | [maiptt@tueba.edu.vn](mailto:maiptt@tueba.edu.vn) |  |
| 2 | GVC.ThS Đồng Văn Đạt | 0912580135 | [dongvandat@tueba.edu.vn](mailto:dongvandat@tueba.edu.vn) |  |
| 3 | ThS Nguyễn Hải Khanh | 0962505677 | [nguyenhaikhanh@tueba.edu.vn](mailto:nguyenhaikhanh@tueba.edu.vn) |  |
| 4 | ThS Chu Thị Kim Ngân | 0943693456 | [ctkngan@tueba.edu](mailto:ctkngan@tueba.edu).vn |  |
| 5 | ThS Trần Thị Kim Oanh | 0347397391 | [kimoanhqtkd@tueba.edu.vn](mailto:kimoanhqtkd@tueba.edu.vn) |  |
| 6 | TS Nguyễn Thành Vũ | 0911568898 | [nguyenthanhvu@tueba.edu.vn](mailto:nguyenthanhvu@tueba.edu.vn) |  |

**6. Mô tả học phần**

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc thuộc kiến thức ngành QTKD, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này giúp người học khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

**7. Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CO1** | ***Mục tiêu kiến thức***: Phân loại và vận dụng được hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp, quy trình để phân tích quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.  Vận dụng kiến thức của học phần phân tích hoạt động kinh doanh để chỉ nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. | 1.4, 1.5 CTĐT Quản trị KD;  1.4, 1.5 CTĐT Logistics và QLCCU | **3** |
| **CO2** | ***Mục tiêu kỹ năng****:* Giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, làm việc nhóm, tiếp cận và tìm hiểu kiến thức mới, quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học trong kinh doanh. kỹ năng lãnh đạo, tư duy phản biện. Trang bị cho sinh viên của các chương trình đào tạo có kỹ năng cơ bản phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp. giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình kinh doanh hiện đại hiện nay. | 2.2, 2.4 CTĐT Quản trị KD;  2.3, 2.5 CTĐT Logistics và QLCCU | **4** |
| **CO3** | ***Mục tiêu năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm***: Có ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; tự học tập, chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phát huy thế mạnh của bản thân; tự lập kế hoạch hoàn thành công việc đúng tiến độ, độc lập, tự giác làm việc; có khả năng giải thích, chứng minh quan điểm, ý kiến cá nhân trong việc tham gia, tương tác với các cá nhân khác trong làm việc nhóm. | 3.1, 3.2, 3.4 CTĐT Quản trị KD;  3.1, 3.2, 3.4 CTĐT Logistics và QLCCU; | **3** |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần ((Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CLO1** | Giải thích các khái niệm về phân tích, chỉ tiêu phân tích và nhân tố ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; vận dụng các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích HĐKD đối với các chỉ tiêu phân tích. | 1.4 CTĐT Quản trị KD;  1.4 CTĐT Logistics và QLCCU. | **2** |
| **CLO2** | Phát hiện các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất;  Vận dụng các kiến thức của ngành và chuyên ngành. Phân loại các yếu tố sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; chi phí, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành trong hoạt động kinh doanh, phối hợp có hiệu quả các nguồn lực của các cơ sở kinh doanh. | 1.4, 1.5 CTĐT Quản trị KD;  1.4, 1.5 CTĐT Logistics và QLCCU; | **3** |
| **CLO3** | Giải thích nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả tiêu thụ, lợi nhuận của doanh nghiệp, vận dụng phương pháp phù hợp phân tích tình hình biến động của lợi nhuận doanh nghiệp;  So sánh các nhóm chỉ tiêu tình hình tài chính của doanh nghiệp với các chỉ báo thường gặp, từ đó có thể chỉ ra các khả năng tích cực, những dấu hiệu cảnh báo tình hình tài chính của doanh nghiệp | 1.4, 1.5 CTĐT Quản trị KD;  1.4, 1.5 CTĐT Logistics và QLCCU; | **3** |
| **CLO4** | Giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, làm việc nhóm, tiếp cận và tìm hiểu kiến thức mới, quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học trong kinh doanh.  Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh.  Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: tạo lập và triển khai các hoạt động kinh doanh; nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; tạo lập quan hệ và hợp tác trong công việc kinh doanh. | 2.2, 2.4 CTĐT Quản trị KD;  2.2, 2.3, 2.5 CTĐT Logistics và QLCCU | 4 |
| **CLO5** | Có ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ làm việc chuyên nghiệp. Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu được áp lực và thích ứng với công việc trong điều kiện hội nhập quốc tế.  Có khả năng định hướng nghề nghiệp, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; tự học tập, chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới, tích lũy kiến thức.  Có khả năng lập kế hoạch, phân công và thực hiện công việc theo nhóm một cách hiệu quả trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. | 3.1, 3.2, 3.4 CTĐT Quản trị KD;  3.1, 3.2, 3.4 CTĐT Logistics và QLCCU; | 3 |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | | **CĐR học phần** |
| **Sáng tạo** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO2; CLO4; CLO5 |
| **Thực tiễn** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; |
| **Hội nhập** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT QTKD, CTĐT Logistics&QLCCU** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | **PLO2** | | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **2.6** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | R |  | M | R |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R | R | R |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

- Hoàn thành các bài thực hành của học phần.

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1 Sách, giáo trình chính***

1. Đồng Văn Đạt, Võ Thy Trang, *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2010.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Văn Công, *Giáo trình Phân tích Kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009.

2. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ , *Giáo trình Phân tích Tài chính Doanh nghiệp,* Nhà xuất bản Tài chính, 2009.

3. Nguyễn Thị Mỵ, Phan Đức Dũng , *Phân tích hoạt động kinh doanh – Lý thuyết, bài tập và bài giải,*  Nhà xuất bản thống kê, 2006.

4. Nguyễn Năng Phúc, *Phân tích kinh doanh – Lý thuyết và thực hành* (Tái bản lần thứ nhất *),* Nhà xuất bản Tài chính, 2009.

5. Vũ Công Ty, Bùi Văn Vần, *Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính, 2008.

6. Phạm Thị Gái, *Giáo trình Phân tích hoạt động Kinh doanh*, Nhà xuất bản Thống kê, 2004.

7.Erich A.Helfert, *Techniques of Financial Analysis: a modern approach* (ninth edition), Irwin, 1997.

8. Richard A. Brealey, Stewart C. Myers, Alan J. Marcus, *Fundamentals of Corporate financial* (second edition), The McGraw – Hill, 1999.

**11. Phương pháp giảng dạy – học tập**

***- Phương pháp giảng dạy - học tập của học phần***

Các phương pháp giảng dạy - học tập chính của học phần PTHĐKD bao gồm: Chiến lược dạy học trực tiếp, chiến lược dạy học gián tiếp, dạy học tương tác và tự học, cụ thể như sau:

**I. Chiến lược dạy học trực tiếp**

1. Thuyết giảng: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

2. Giải thích cụ thể: Giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

**II. Chiến lược dạy học gián tiếp**

3. Câu hỏi gợi mở: Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

4. Giải quyết vấn đề: Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của học phần.

**III. Dạy học tương tác**

5. Tranh luận: Giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên nêu ý kiến phản biện với các quan điểm khác nhau về vấn đề phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

6. Thảo luận: Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

7. Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

**IV.Tự học**

8. Bài tập ở nhà, bài chuẩn bị cho các nội dung lý thuyết cho các buổi học kế tiếp: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

**Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp giảng dạy - học tập**

| **Các CĐR của học phần** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp giảng dạy - học tập** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuyết giảng | Giải thích cụ thể | Câu hỏi gợi mở | Giải quyết vấn đề | Tranh luận | Thảo luận | Học nhóm | Bài tập ở nhà |
| CLO1 | **2** | x | x | x |  |  |  |  |  |
| CLO2 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | **3** |  |  | x | x | x |  | x |  |
| CLO5 | **3** |  | x | x | x | x |  | x |  |

**12. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy**  *(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **CĐR học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp giảng dạy**  **học tập** | **Phương pháp đánh giá** |
| 1, 2 | Giới thiệu chung về học phần |  |  | Thuyết trình | - |
| **3 -9** | **Chương 1: Tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh** |  | CĐR CTĐT QTKD: 1.4/(2); 2.2; 2.4/(4);  3.1; 3.2; 3.4/(3);  CĐR CTĐT Logistics và QLCCU: 1.4/(2); 2.2; 2.4; 2.5/(4);  (3);3.1; 3.2; 3.4/(3). |  |  |
| 3 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:**  1.1.Đối tượng và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh  1.1.1. Khái niệm  1.1.2.Đối tượng nghiên cứu học phần  1.1.3.Ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh. | CLO1;  CLO5. | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở. | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 1.2. Chỉ tiêu kinh tế và nhân tố kinh tế  1.2.1. Chỉ tiêu kinh tế  1.2.2. Nhân tố kinh tế | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở. |
| 4-6  7-9 | 1.3. Một số phương pháp sử dụng trong phân tích HĐKD  *1.3.1. Phương pháp so sánh*  *1.3.2.Phương pháp loại trừ*  *1.3.3.Phương pháp chỉ số*  *1.3.4. Phương pháp liên hệ cân đối*  *1.3.5. Phương pháp chi tiết* | CLO1;  CLO5; | Thuyết giảng, thực hành phương pháp | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 1 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 2  + Chuẩn bị bài thảo luận nhóm | CLO4  CLO5 | Bài tập ở nhà. | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| Bài tập nhóm: Xây dựng ma trận SWOT cho một DN cụ thể | CLO1;  CLO4; CLO5; | Thảo luận | Thuyết trình nhóm |
| **10-19** | **Chương 2: Phân tích kết quả sản xuất của doanh nghiệp** |  | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5 /(3);  2.2; 2.4/(4);  3.1; 3.2; 3.3, 3.4/(3);  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU: 1.4, 1.5/(3);  2.2; 2.3; 2.5/(4); 3.1; 3.2; 3.3; 3.4/ (3). |  |  |
|  |
| 10-12 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:**  2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích kết quả sản xuất  *2.1.1. Ý nghĩa phân tích kết quả sản xuất của doanh nghiệp*  *2.1.2. Nhiệm vụ phân tích kết quả sản xuất của doanh nghiệp.* | CLO2;  CLO5 | Câu hỏi gợi mở. | Kiểm tra vấn đáp |
| 2.2. Phân tích môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh | CLO2;  CLO4; CLO5; | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm. |
| 2.3. Phân tích khái quát kết quả sản xuất của doanh nghiệp | CLO2; CLO4;  CLO5; | Thuyết trình, câu hỏi gợi mở. |  |
| 2.4. Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong sản xuất của doanh nghiệp  *2.4.1. Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng* | CLO2; CLO5; | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở. | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 13 -  15 | *2.4.2. Phân tích ảnh hưởng của kết cấu mặt hàng đến kết quả sản xuất*  *2.4.3. Phân tích nhịp* *điệu sản xuất kinh doanh*  *2.4.4. Phân tích tính chất đồng bộ của sản xuất* | CLO2; CLO4;  CLO5;  CLO2; CLO4;  CLO5; | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở.  Tự nghiên cứu  Tự nghiên cứu | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình  -Trắc nghiệm |
| 2.5. Phân tích chất lượng sản phẩm  *2.5.1. Phân tích thứ hạng chất lượng sản phẩm* | CLO2; CLO4;  CLO5; | Thuyết giảng | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 16-19 | *2.5.2. Phân tích tình hình sai hỏng sản phẩm trong sản xuất* | CLO2; CLO4;  CLO5; |  | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thực hành | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  *2.4.3. Phân tích nhịp* *điệu sản xuất kinh doanh*  *2.4.4. Phân tích tính chất đồng bộ của sản xuất.*  Nghiên cứu câu hỏi ôn tập, bài tập chương 2 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 3 | CLO2; CLO4;  CLO5;  CLO2; CLO4;  CLO5; | Đọc lý thuyết, Bài tập ở nhà | Trắc nghiệm; |
| **20-29** | **Chương 3: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất** |  | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5 /(3);  2.2; 2.4/(4);  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3);  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU:1.4, 1.5 (3);  2.2; 2.3;2.5; /(4);  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/ (3). |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |
| 20 - 21 | 3.1.Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | CLO2;  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng; câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| 3.2. Phân tích tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp | CLO2;  CLO3;  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng; câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 22  23- 25 | 3.3.Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ | Tự nghiên cứu | Trắc nghiệm |
| 3.4. Phân tích tình hình cung cấp, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh | Thuyết giảng ; câu hỏi gợi mở; vận dụng bài tập | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 26-29 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm | Cá nhân chữa, thảo luận nhóm | Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  **+** Đọc 3.3.Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ.  + Bài tập ở nhà  + Nghiên cứu câu hỏi chương 3  + Chuẩn bị nội dung chương 4. | Đọc lý thuyết  Bài tập ở nhà | Trắc nghiệm, |
| **30-39** | **Chương 4: Phân tích tình hình chi phí và giá thành** |  | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5  2.2; 2.4/(4);  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3)  CĐR CTĐT Logistics: 1.4, 1.5;  2.2; 2.3; 2.5/(4);  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3) |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |
| 30 | 4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm | CLO2  CLO4; CLO5 | Tự nghiên cứu | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| 4.2.Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí và giá thành sản xuất | Thuyết giảng ; tự nghiên cứu | - Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| **31-** | **Bài kiểm tra lần 1** | CLO1; CLO2; | CĐR CTĐT Logistics & QLCCU: 1.4; 1.5/(3) |  | Trắc nghiệm |
| 32-34  (3) | 4.3. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp  *4.3.1. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm so sánh được*  *4.3.2. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu chi phí cho 1000đ sản lượng hàng hoá* | CLO2  CLO4; CLO5 | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5/(3);  2.2; 2.4/(4); 3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3);  CĐR CTĐT Logistics: 1.4, 1.5;/(3)  2.2; 2.3; 3.3; 2.5/(4);  3.1/(3) | Thuyết giảng | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình  Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| 4.4. Phân tích sự biến động giá thành theo khoản mục | Tự nghiên cứu | Trắc nghiệm |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  **+ Đọc** 4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm.  + Làm bài tập chương 3  + Ôn tập chương 1, /(3) | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm. |
| **35 -**  **36** | **Kiểm tra giữa kỳ** | CLO1; CLO2; |  |  | Trắc nghiệm |
| 37-39 | Bài tập, thảo luận nhóm | CLO2; CLO4; CLO5; | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5/(3);  2.2; 2.4/(4); 3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3);  CĐR CTĐT Logistics: 1.2, 1.5; 1.4;/(3)  2.2; 2.3; 2.5/(4);  3.1/(3)2.2; 2.3; 2.5; 3.1/(3) | Cá nhân chữa, thảo luận nhóm |  |
| **40-46** | **Chương 5: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận** |  | CĐR QTKD: 1,4, 1.5/(3);  2.2; 2.4/(4)  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3)  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU:1.4, 1.5/(3); 2.2; 2.3; 2.5/(4) 3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3) |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |
| 40 | 5.1. Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm  5*.1.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích*  *5.1.2. Phân tích khái quát tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá*  *5.1.3. Phân tích tình hình tiêu thụ những mặt hàng chủ yếu*  *5.1.4. Phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng* đến tình hình tiêu thụ | CLO3; CLO4; CLO5 | Tự nghiên  cứu  Tự nghiên cứu  Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | -  -  Trắc nghiệm  Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 41 -42 | 5.2. Phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp  *5.2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích*  *5.2.2. Các bộ phận cấu thành lợi nhuận của doanh nghiệp*  *5.2.3. Phân tích chung về tình hình lợi nhuận*  *5.2.4. Phân tích tình hình lợi nhuận về tiêu thụ sản phẩm từ hoạt động SXKD* | CLO3; CLO4; CLO5 | Tự nghiên cứu  Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở  Tự nghiên cứu  Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | -  Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình.  Trắc nghiệm.  Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 43-45 | Bài tập, thảo luận nhóm | CLO3; CLO4; CLO5 | Thảo luận | Thuyết trình nhóm |
| **46** | **Bài kiểm tra lần 2** | CLO2; CLO3 |  |  | Trắc nghiệm |
|  |  |  |  |  |  |
| **47-54** | **Chương 6: Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp** |  | CĐR QTKD: 1,4, 1.5/(3)  2.2; 2.4/(4)  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3)  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU:1.4 ; 1.5/(3)  2.2; 2.5/(4); 3.1; 3.2; 3.3; 3.4 /(3) |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |
| 47 | 6.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích tình hình tài chính của DN | CLO3; CLO4; CLO5. | Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.2. Thông tin sử dụng trong phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp | CLO1; CLO3; O5 | Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.3. Giới thiệu các báo cáo tài chính | CLO3; | Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 48-49 | 6.4. Phương pháp so sánh sử dụng trong phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp | CLO1; CLO3; | Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 50-52 | 6.5. Phân tích khái quát tình hình tài chính | CLO1; CLO3; CLO4; CLO5 | Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.6. Phân tích các chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính | CLO1; CLO3; CLO4; CLO5 | Thuyết giảng , câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.7. Tình hình tài chính doanh nghiệp | CLO1; CLO3; CLO4; CLO5 |  | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 53-54 | Thảo luận chương 6, ôn tập tổng hợp | CLO1; CLO3; CLO4; CLO5; | Thảo luận | Thuyết trình nhóm; báo cáo thảo luận; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu các báo cáo tài chính doanh nghiệp.  + Làm bài tập chương 6 | CLO1; CLO3; CLO4  CLO5 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra viết, vấn đáp |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong học phần PTHĐKD được chia thành 3 loại chính là: đánh giá theo tiến trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

**\* Đánh giá tiến trình:**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập nhóm và kiểm tra thường xuyên.

**\* Đánh giá giữa kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm giữa học kỳ. Phương pháp đánh giá giữa học kỳ là Kiểm tra viết.

**\* Đánh giá cuối kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá cuối kỳ sử dụng là kiểm tra viết.

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Đánh giá tiến trình (30%)** | **Đánh giá Giữa kỳ (20%)** | **Đánh giá Cuối kỳ (50%)** |
| CLO1 | **2** | x | x | x |
| CLO2 | **3** | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x |  | x |
| CLO4 | **4** | x |  |  |
| CLO5 | **3** | x | x | x |

**Tiêu chí đánh giá 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(5.5-6.9)** | **(7.0-8.4)** | **(8.5-8.9)** | **(9,0-10,0)** |
| **Số tiết** | Đi học  (<80%) | Đi học (<81-85%) | Đi học ít chuyên cần  (86-90%) | Đi học chuyên cần  (91-95%) | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (96-100%) | **50%** |
| **Đóng góp tại lớp** | Không tham gia hoạt động nào tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.  Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.  Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.  Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Tiêu chí đánh giá 2: Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10,0)** |
| Làm việc nhóm | Không xác định nhiệm vụ và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Không tổ chức làm việc nhóm.  Không nộp bài tập nhóm | Xác định nhiệm vụ không rõ ràng và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Hiếm khi làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm muộn | Xác định nhiệm vụ khá rõ ràng đánh giá khá chính xác cho các thành viên. Thỉnh thoảng làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên và tích cực làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập. | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Còn một số sai sót trong nội dung. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình rất tốt theo yêu cầu. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 3: Bài tập cá nhân**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10.0)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp bài tập đạt 70% khối lượng được giao.  Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao).  Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao).  Đúng thời gian quy định | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 4: Kiểm tra trắc nghiệm trên giấy**

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

| **Hình thức kiểm tra/đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|
|
| Chuyên cần | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | CLO5 | CĐR CTĐT QTKD: 3.1; 3.2; 3.3; 3.4;  CĐR CTĐT Logistics và QLCCU: 3.1; 3.2; 3.3; 3.4. | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | **6** |
| Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; | CĐR QTKD: 1,4, 1.5/(3);  2.2; 2.4/(4);  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3)  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU: 1.4, 1.5/(3)  2.2; 2.3; 2.5/(4)  3.1; 3.2; 3.3; 3.4 /(3) | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | **6** |
| Bài tập cá nhân | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; | CĐR QTKD:1,4, 1.5/(3);  2.2; 2.4/(4);  3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3)  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU: 1.4, 1.5/(3)  2.2; 2.3; 2.5/(4)  3.1; 3.2; 3.3; 3.4 /(3) | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | **6** |
| Kiểm tra thường xuyên | Chương 1,2 | Tiết 31 | CLO1; CLO2;  CLO5 | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5/(3); 3.1/ (3).  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU:1.4; 1.5; 3.1/ (3). | Trắc nghiệm | Đề kiểm tra | 6 |
| Chương 3,4,5 | Tiết 46 | CLO2;  CLO3; CLO5: | CĐR CTĐT QTKD: 1.2; 1.4, 1.5/(3);  CĐR CT Logistics &QLCCU: 1.2; 1.4; 1.5/(3); | Trắc nghiệm | Đề kiểm tra | 6 |
| Kiểm tra giữa học phần | Chương 1,2,3 | Tiết 35-36 | CLO1; CLO2; CLO5; | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5; 3.1; 3.2/(3)  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU: 1.4; 1.5; 3.1; 3.2; 3.3; 3.4/(3) | Trắc nghiệm | Đề kiểm tra | 20 |
| Thi kết thúc học phần | Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học. | Theo KH của phòng ĐT | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO5; | CĐR CTĐT QTKD: 1.4, 1.5; 3.1; 3.2/(3)  CĐR CTĐT Logistics & QLCCU: 1.4, 1.5; 3.1; 3.2/(3) | Trắc nghiệm | Đề thi từ ngân hàng đề | 45 |
| Thời gian làm bài 50 phút. *(không được sử dụng tài liệu).* |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | | | | | | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** | | |
| **Chuyên cần** | **Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm** | **Bài tập cá nhân** | **Bài kiểm tra TX** | **Đánh giá Giữa kỳ** | **Đánh giá Cuối kỳ** | **Câu hỏi** | **Bài tập** | **Điểm số** |
| CLO1 |  |  |  | x | x | x | x |  | x |
| CLO2 |  | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 |  | x | x | x |  | x | x | x | x |
| CLO4 |  | x | x |  |  |  | x | x | x |
| CLO5 |  | x | x | x | x | x | x | x | x |

**14. Yêu cầu đối với sinh viên**

Các bài tập ở nhà và bài tập nhóm phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

**15. Ngày phê duyệt lần đầu**

**16. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  | **TS. Phạm Văn Hạnh** | **TS. Phạm Thị Thanh Mai** | **ThS. Đồng Văn Đạt** |

**17. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: Ngày …. tháng … năm ... | **Người soạn**  Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày … tháng … năm …: … | Người cập nhật  Trưởng Bộ môn: |